

Số: 33 /2018/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế phối hợp xử lý vi phạm hành chính
về thủy lợi và đê điều trên địa bàn thành phố Hải Phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của
Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống
thiên tai; khai thác bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 156/TTr-SNN ngày 28 tháng 9 năm 2018, Báo cáo số 455/BC-SNN
ngày 09 tháng 11 năm 2018 và của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số
52/BCTĐ-STP ngày 20 tháng 9 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp xử lý vi
phạm hành chính về thủy lợi và đê điều trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở,
ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Chủ tịch Ủy
ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND thành phố;
- Đoàn ĐBQH TP Hải phòng;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Công báo Hải Phòng;
- Báo Hải Phòng;
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Đài phát thanh và Truyền hình Hải Phòng;
- Trung tâm TT-TH;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

QUY CHẾ

Phối hợp xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi và đê điều trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33 /2018/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, người có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân trong công tác kiểm tra phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm, tổ chức cưỡng chế, khắc phục hậu quả các hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi và đê điều trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền; tổ chức, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều và các lĩnh vực có liên quan.
2. Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức, cá nhân trong việc kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về thủy lợi và đê điều.
3. Mọi hành vi vi phạm pháp luật về thủy lợi, đê điều phải được xử lý đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Chương II

TRÌNH TỰ VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 4. Công tác kiểm tra, lập hồ sơ vi phạm hành chính về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác công trình thủy lợi:
 - a) Thường xuyên kiểm tra, phát hiện các hành vi vi phạm ngay khi phát sinh;
 - b) Chủ động, kịp thời phối hợp với lực lượng chức năng thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) xác minh, lập hồ sơ vi phạm hành chính và ngăn chặn hành vi vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã: Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được kiến nghị phải chủ trì, phối hợp với tổ chức, cá nhân được giao quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi kiểm tra, lập biên bản vi phạm hành chính; thực hiện biện pháp ngăn chặn các hoạt động vi phạm.

Điều 5. Công tác kiểm tra, lập hồ sơ vi phạm hành chính về đê điều

1. Lực lượng quản lý đê: Thường xuyên tổ chức kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về đê điều theo thẩm quyền.

2. Hạt trưởng Hạt Quản lý đê điều, Kiểm soát viên đê điều chủ trì thu thập tài liệu liên quan, xác minh hành vi, đối tượng và lập biên bản vi phạm.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng chức năng tham mưu công tác quản lý đê điều thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, quận (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) có trách nhiệm phối hợp với Hạt Quản lý đê điều trong quá trình thực hiện.

Điều 6. Trình tự phối hợp xử lý vi phạm về quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Các tổ chức, cá nhân được giao khai thác công trình thủy lợi:

a) Chậm nhất sau 24 giờ kể từ khi phát hiện vi phạm phải gửi kiến nghị bằng văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý như sau:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, lập hồ sơ để xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính có mức phạt theo thẩm quyền quy định tại: khoản 1, khoản 2 Điều 13; điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 1 Điều 14; Điều 16; khoản 1, khoản 2 Điều 17; khoản 1 Điều 18; khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 104/2017/NĐ-CP);

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai kiểm tra, lập hồ sơ để xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính có mức phạt theo thẩm quyền quy định tại: Điểm đ, khoản 1 và điểm a, khoản 2 Điều 14; khoản 1, khoản 2 Điều 15; khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 17; khoản 2 Điều 18 và khoản 2, khoản 3 Điều 19, Nghị định số 104/2017/NĐ-CP.

b) Theo dõi, đôn đốc, giám sát quá trình thực hiện quyết định xử phạt của cấp có thẩm quyền; kiểm tra việc chấp hành xử lý vi phạm hành chính của tổ chức, cá nhân vi phạm.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính phải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết phải xác minh tình tiết vụ việc thì thời gian xác minh và ban hành quyết định xử phạt thực hiện theo Điều 66, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Trường hợp vượt quá thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, chậm nhất trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện hành vi vi phạm hoặc nhận được kiến nghị xử phạt phải lập hồ sơ và kiến nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để xử phạt;

c) Báo cáo kết quả xử lý bằng văn bản về Ủy ban nhân dân cấp huyện và Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Sau khi nhận được hồ sơ kiến nghị xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải chỉ đạo tổ chức kiểm tra, ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết phải xác minh tình tiết vụ việc, thời gian xác minh và quyết định xử phạt thực hiện theo Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Trường hợp mức xử phạt vượt quá thẩm quyền phải chuyển hồ sơ và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử phạt;

c) Trường hợp hành vi vi phạm nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ, giao Công an cấp huyện điều tra, xử lý.

4. Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai:

a) Sau khi lập biên bản vi phạm hành chính, Chi cục trưởng phải ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết phải xác minh tình tiết vụ việc thì thời gian xác minh và ban hành quyết định xử phạt thực hiện theo Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Đối với hành vi vi phạm liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phải báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xử lý theo thẩm quyền.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở xử phạt vi phạm hành chính sau khi nhận được báo cáo và hồ sơ vi phạm hành chính liên quan đến các lĩnh vực quản lý của ngành;

b) Chuyển hồ sơ và báo cáo chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến nhiều ngành hoặc có mức phạt vượt quá thẩm quyền.

Điều 7. Trình tự phối hợp xử lý vi phạm về đê điều

1. Hạt Quản lý đê điều:

Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các ngành liên quan lập biên bản, quyết định tạm đình chỉ hành vi vi phạm; chậm nhất trong thời hạn 24 giờ, phải gửi kiến nghị bằng văn bản đến cơ quan, người có thẩm quyền để xử lý như sau:

a) Chuyển hồ sơ vi phạm và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm được quy định xử phạt tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP;

b) Chuyển hồ sơ vi phạm và kiến nghị Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai xử phạt các hành vi vi phạm được quy định xử phạt tại Điều 23; Điều 24 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP;

c) Chuyển hồ sơ vi phạm và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt các hành vi vi phạm được quy định xử phạt tại khoản 5 Điều 20; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 21; Điều 22; Điều 25 Nghị định số 104/2017/NĐ-CP và những hành vi vi phạm liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý nhà nước tại địa phương;

d) Trường hợp quá thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng hành vi vi phạm chưa được xử lý hoặc vẫn tiếp diễn, gia tăng quy mô và mức độ thì tiếp tục lập biên bản vi phạm hành chính, bổ sung hồ sơ và kiến nghị theo trình tự quy định tại điểm a, b, c điều này và báo cáo bằng văn bản về Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai để tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông;

đ) Theo dõi việc xử lý của cấp có thẩm quyền và đôn đốc, giám sát tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính chấp hành quyết định xử phạt; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.


2. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Phối hợp với Hạt Quản lý đê điều và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, lập biên bản vi phạm; thực hiện biện pháp ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm hành chính;

b) Sau khi nhận được báo cáo và hồ sơ vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Khi cần thiết phải xác minh tình tiết vụ việc thì thời gian xác minh và ban hành quyết định xử phạt thực hiện theo Điều 66, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

c) Trường hợp hành vi vi phạm, mức xử phạt vượt quá thẩm quyền thì trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ, phải chủ trì, phối hợp với Hạt Quản lý đê điều báo cáo và chuyển hồ sơ đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Sau khi nhận được báo cáo và hồ sơ vi phạm phải kiểm tra, xác minh và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm c, khoản 1 và điểm c, khoản 2 Điều này; 

b) Trường hợp hành vi vi phạm, mức xử phạt vượt quá thẩm quyền thì phải chuyển hồ sơ, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử phạt;

c) Trường hợp hành vi vi phạm nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì phải chuyển hồ sơ, giao Công an cấp huyện điều tra, xử lý.

4. Chi cục Thủy lợi và Phòng chống thiên tai:

a) Sau khi nhận được báo cáo và hồ sơ vi phạm của Hạt Quản lý đê điều, Chi cục trưởng phải ban hành quyết định xử phạt theo thẩm quyền quy định tại điểm b, khoản 1, Điều này. Trường hợp vượt thẩm quyền thì phải chuyển hồ sơ vi phạm báo cáo cấp có thẩm quyền xử phạt. Khi cần thiết phải xác minh tình tiết vụ việc thì thời gian xác minh và ban hành quyết định xử phạt thực hiện theo Điều 66, Luật Xử lý vi phạm hành chính;

b) Đối với hành vi vi phạm liên quan đến nhiều lĩnh vực quản lý của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn phải báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Thanh tra Sở xử lý theo thẩm quyền;

c) Đối với trường hợp có nhiều hành vi vi phạm liên quan đến lĩnh vực quản lý của nhiều ngành, thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt phải chuyển hồ sơ và kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử lý;

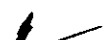
d) Trường hợp hành vi vi phạm nếu thấy có dấu hiệu tội phạm thì phải báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để chuyển hồ sơ đề nghị Công an thành phố điều tra, xử lý theo quy định;

đ) Phối hợp với Bộ Chỉ huy bộ đội biên phòng Hải Phòng kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm đê điều thuộc khu vực biên giới biển do Bộ đội biên phòng chủ trì theo Điều 31, Nghị định số 104/2017/NĐ-CP của Chính phủ;

e) Phối hợp với các ngành chức năng và địa phương kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về sử dụng đất, xây dựng công trình, nhà cửa ở bãi sông, lòng sông theo Quy chế phối hợp xử lý vi phạm về trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố; tổng hợp báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản kiến nghị với các ngành chức năng và địa phương xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với các công trình, nhà cửa xây dựng ở bãi sông, lòng sông.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chỉ đạo Chánh Thanh tra Sở xử phạt vi phạm hành chính sau khi nhận được báo cáo và hồ sơ vi phạm hành chính liên quan đến các lĩnh vực quản lý của ngành;

b) Chuyển hồ sơ và báo cáo chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử phạt đối với các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến nhiều ngành hoặc có mức phạt vượt quá thẩm quyền. 

Điều 8. Chỉ đạo, xử lý vụ việc theo thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố

1. Khi nhận được hồ sơ và báo cáo đề xuất của các cấp, các ngành về việc xử lý vi phạm hành chính về thủy lợi, đề điều theo thẩm quyền thì tùy theo tính chất vụ việc, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định xử phạt hoặc giao cho thủ trưởng cơ quan chức năng có thẩm quyền để điều tra, xác minh tình tiết vụ việc và xử phạt vi phạm hành chính.

2. Giao Công an thành phố điều tra, xác minh xử lý đối với các trường hợp có dấu hiệu tội phạm theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ phối hợp với các cấp, các ngành liên quan tham mưu, đề xuất báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị có hành vi vi phạm liên quan đến trách nhiệm quản lý, thực hiện nhiệm vụ công vụ theo phân cấp về quản lý cán bộ, công chức, viên chức của thành phố và khi có kết luận chính thức về hành vi vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Xử lý trách nhiệm cá nhân, người đứng đầu, người có thẩm quyền không hoàn thành nhiệm vụ phối hợp xử lý vi phạm

1. Công chức, viên chức, người lao động được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều nhưng không kiểm tra phát hiện, không ngăn chặn, không lập biên bản vi phạm hành chính, không kịp thời kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định pháp luật về quản lý công chức, viên chức, lao động và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Người đứng đầu cơ quan cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều nhưng không xử lý kịp thời hoặc chậm trễ trong việc báo cáo và chuyển hồ sơ đến cấp có thẩm quyền để xử lý dứt điểm, để vi phạm phát sinh, tồn tại làm ảnh hưởng đến an toàn công trình thủy lợi, đề điều thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý trách nhiệm người đứng đầu theo quy định của pháp luật về quản lý công chức, viên chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu về quản lý cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cấp, các ngành trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm chủ trì xem xét, đề xuất xử lý vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ công vụ và trách nhiệm quản lý theo quy định pháp luật về phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, lao động và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Áp dụng xử lý chuyển tiếp

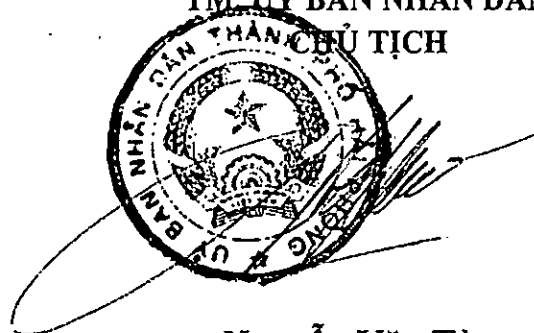
Hành vi vi phạm, mức xử phạt trong Quy chế này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai; khai thác bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều. Khi có sự điều chỉnh, bổ sung hành vi vi phạm, mức xử phạt theo quy định của Luật Thủy lợi mà không trái với Quy chế này thì vẫn tiếp tục áp dụng Quy chế này để xử phạt; trường hợp hành vi vi phạm, mức xử phạt trái với Quy chế này thì áp dụng theo quy định mới để xử phạt.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế này.

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp các khó khăn vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng